

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Ung thư

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐỖ HÙNG KIÊN**

2. Ngày tháng năm sinh: 11/10/1972 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Thống Lợi, Thường Tín, Hà Nội.**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Số 23, ngõ 191 đường Giáp Bát, phường Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội.**

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

TS. Đỗ Hùng Kiên

Khoa Nội 1 – Bệnh viện K.

Số 30 Cầu Bươu, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 024.36640310; Điện thoại di động: 0903229187.

E-mail: kienc@ gmail.com.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 1990 đến 1996: Sinh viên hệ Bác sĩ đa khoa, Trường Đại học Y Hà Nội (Cơ sở Y Hải Phòng).

Từ 01/1997 đến 02/2001: Trưởng phòng Môi trường – Công ty phát triển Tin học, Công Nghệ và Môi trường – Tập đoàn Than Việt Nam.

Từ 03/2001 đến 01/2007: Bác sĩ phòng Kế hoạch tổng hợp (đơn vị Hành chính tổng hợp, cơ sở 2 Bệnh viện K) và bác sĩ điều trị khoa Chăm sóc triệu chứng và điều trị đau, Bệnh viện K.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Từ 02/2007 đến 03/2009: Phó trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp và bác sĩ điều trị khoa Nội 1, Bệnh viện K.

Từ 04/2009 đến 11/2014: Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp và bác sĩ điều trị khoa Nội 1, Bệnh viện K.

Từ 12/2014 đến 01/2016: Phó trưởng khoa Nội 1, Bệnh viện K.

Từ 02/2016 đến 05/2016: Phó trưởng khoa Nội 1 - Phụ trách khoa Nội 1, Bệnh viện K.

Từ 06/2016 đến nay: Trưởng khoa Nội 1, Bệnh viện K.

Từ 02/2021 đến nay: Trưởng khoa Nội 1, kiêm Phụ trách khoa Nội Nhi, Bệnh viện K.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng khoa Nội 1, kiêm Phụ trách khoa Nội Nhi, Bệnh viện K.

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa Nội 1, Bệnh viện K.

Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện K.

Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện K.

Địa chỉ cơ quan: Số 30 Cầu Bươu, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0904690818.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Y Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 15 tháng 09 năm 1996; số hiệu bằng: B21955; ngành: Y học, chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 11 tháng 04 năm 2007; số hiệu bằng: 1216, No.A 0030152; ngành: Y học; chuyên ngành: Ung thư; Nơi cấp bằng Thạc sĩ (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 27 tháng 10 năm 2017; số hiệu bằng: 007151; ngành: Y học; chuyên ngành: Ung thư; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Nghiên cứu chẩn đoán và điều trị bệnh u mô đệm đường tiêu hoá.**

- **Nghiên cứu chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư phổi.**

- **Nghiên cứu chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư đầu cổ.**

- **Nghiên cứu chẩn đoán và điều trị các bệnh lý ung thư hệ tạo huyết, ung thư nhi khoa và các bệnh lý ung thư thường gặp khác.**

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 11 HVCH/BSNT/BSCCKII bảo vệ thành công luận văn ThS/BSNT/BSCCKII.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Chủ nhiệm 09 đề tài cấp cơ sở.
- Đã công bố 62 bài báo khoa học, trong đó 11 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín.
- Đã xuất bản 02 sách, trong đó 02 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- + Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế: quyết định số 2164/QĐ-BYT ngày 21/06/2010 vì Đã có nhiều đóng góp trong quá trình xây dựng và thực hiện chính sách pháp luật về Bảo hiểm Y tế.
- + Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế: quyết định số 1421/QĐ-BYT ngày 17/04/2019 vì Đã có thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác Y tế năm 2018.
- + Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế: quyết định số 1815/QĐ-BYT ngày 06/04/2021 vì Đã có nhiều thành tích xuất sắc Thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác Y tế từ năm 2019 đến năm 2020.
- + Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm: 2013, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SU

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trung thành với tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, yêu nghề, hết lòng vì sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, sự nghiệp đào tạo của ngành Y.
- Là một giảng viên kiêm nhiệm có tinh thần trách nhiệm cao, hết lòng với các thế hệ học viên. Là một cán bộ quản lý tận tâm với công việc, luôn hướng đến các mục tiêu cao cả của ngành Y.
- Phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, lối sống khiêm tốn và giản dị.
- Chấp hành đầy đủ và đúng mọi nội qui, qui định trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Nhà trường và các qui định của Bệnh viện.
- Quan hệ tốt với đồng nghiệp, đúng mực với học viên. Luôn chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với học viên và đồng nghiệp.
- Chuẩn bị nội dung đầy đủ, phong phú khi tham gia giảng dạy. Chất lượng giảng dạy tốt, được học viên đánh giá cao. Hướng dẫn nhiều học viên bảo vệ luận văn với kết quả cao.
- Kết hợp tốt giữa công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân với giảng dạy và nghiên cứu khoa học.
- Hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp xây dựng cơ quan.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 6 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/Số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018						137,6	137,6/137,6/135
2	2018-2019			Hướng dẫn thứ hai 01 Cao học khóa 26.			176,6	176,6/184,9/135
3	2019-2020			- Hướng dẫn thứ nhất 02 Cao học khóa 27 và 02 BSNT khóa 43. - Hướng dẫn thứ hai 01 Cao học khoá 27.			172,8	172,8/281,1/135
3 năm cuối								
4	2020-2021			Hướng dẫn thứ nhất 02 BSNT khóa 44.			190	190/240/135
5	2021-2022			Hướng dẫn thứ nhất 01 Cao học khóa 29 và 02 BSCKII khóa 34			199,6	199,6/349,6/135
6	2022-2023						229,2	229,2/229,2/135

(*) – Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước:

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước :

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:.....; năm cấp:...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B2, số hiệu: TA-B2/0034359; nơi cấp: Trường Đại Học Vinh; ngày cấp: 16/01/2017.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ Đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thanh Hoa		X		X	2018-2019	Trường Đại học Y Hà Nội	2019
2	Trần Khôi		X	X		2019-2020	Trường Đại học Y Hà Nội	2021
3	Vũ Thị Thu		X	X		2019-2020	Trường Đại học Y Hà Nội	2021
4	Nguyễn Thị Thu Hà		X	X		2019-2020	Trường Đại học Y Hà Nội	2021
5	Phan Văn Linh		X	X		2019-2020	Trường Đại học Y Hà Nội	2021
6	Nguyễn Thị Như Hoa		X		X	2018-2020	Trường Đại học Y Hà Nội	2021
7	Nguyễn Thị Phương Anh		X	X		2020-2021	Trường Đại học Y Hà Nội	2022
8	Nguyễn Quang Anh		X	X		2020-2021	Trường Đại học Y Hà Nội	2022
9	Trịnh Thu Hà		X	X		2021-2022	Trường Đại học Y Hà Nội	2023
10	Nguyễn Hoàng Gia		X	X		2021-2022	Trường Đại học Y Hà Nội	2023
11	Nguyễn Thị Bích Phượng		X	X		2021-2022	Trường Đại học Y Hà Nội	2023

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận Tiến sĩ							
1	Sổ tay điều trị nội khoa ung thư	TK	Nhà xuất bản Y học, 2014	14	PGS. TS. Bùi Diệu PGS. TS. Trần Văn Thuấn		Quyết định số: 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Trường Đại học Y Hà Nội
II Sau khi được công nhận Tiến sĩ							
2	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư thường gặp	TK	Nhà xuất bản Y học, 2019	30	GS. TS. Trần Văn Thuấn PGS. TS. Lê Văn Quảng TS. BS. Nguyễn Tiến Quang	105 - 121	Giấy xác nhận số: 398/GXN-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 06 năm 2020 của Học viện YDHCT Việt Nam

Trong đó: số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi được công nhận Tiến sĩ Y học					
1	Đánh giá kết quả điều trị đơn chất NAVELBINE trong ung thư phổi không tế bào nhỏ tái phát di căn.	CN	Cơ sở	2016	12/09/2016
2	Đánh giá kết quả điều trị bệnh u mô đệm đường tiêu hóa (GISTs) giai đoạn di căn bằng imatinib tại Bệnh viện K.	CN	Cơ sở	2017	25/12/2017

Sau khi được công nhận Tiến sĩ Y học					
3	Đánh giá kết quả bước đầu của phác đồ Methotrexate liều cao kết hợp rituximab trong điều trị u lympho ác tính không Hodgkin thần kinh trung ương nguyên phát tại Bệnh viện K.	CN	Cơ sở	2018	28/12/2018 Xếp loại A
4	Đánh giá kết quả điều trị tăng liều Imatinib trên bệnh nhân u mô đệm đường tiêu hóa giai đoạn muộn tiến triển sau điều trị bước 1 liều chuẩn.	CN	Cơ sở	2019	24/12/2019 Xếp loại A
5	Đánh giá kết quả điều trị bước đầu hóa chất tân bổ trợ phác đồ TCF trên bệnh nhân ung thư vòm giai đoạn III và IVA.	CN	Cơ sở	2020	26/10/2020 Xếp loại A
6	Đánh giá kết quả bước đầu điều trị thuốc ức chế điểm miễn dịch – Pembrolizumab đơn trị bước sau trong ung thư phổi không tế bào nhỏ tại Bệnh viện K.	CN	Cơ sở	2020	26/10/2020 Xếp loại A
7	Kết quả bước đầu điều trị bước một ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn có đột biến EGFR bằng thuốc ức chế Tyrosine Kinase thế hệ 3 – Osimertinib.	CN	Cơ sở	2021	31/12/2021 Xếp loại B
8	Kết quả điều trị bước hai đơn trị Pembrolizumab ung thư phổi không tế bào nhỏ tại Bệnh viện K.	CN	Cơ sở	2022	26/12/2022 Xếp loại B
9	Đánh giá kết quả bước đầu hoá trị trước phác đồ Gemcitabine – Cisplatin trong điều trị ung thư vòm mũi họng giai đoạn III-IVa.	CN	Cơ sở	2022	26/12/2022 Xếp loại B

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng , năm công bố
<i>Trước khi được công nhận Tiến sĩ Y học</i>								
1	Ghi nhận ung thư tại Cơ sở 2 – Bệnh viện K qua một năm triển khai khám chữa bệnh.	2		Tạp chí thông tin Y dược ISSN: 0868-3891			Trang 14-21	07/ 2002
2	Kết quả bước đầu điều trị bệnh u mô đệm đường tiêu hoá giai đoạn muộn bằng Imatinib (Glivec) tại Bệnh viện K.	3	x	Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663			Số 2 (906), trang 147-150	02/ 2014
3	Kết quả điều trị đơn chất vinorelbine trong ung thư phổi tái phát di căn.	3	x	Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			Số 1, trang 163-170	10/ 2016
4	Nghiên cứu hiệu quả điều trị u mô đệm đường tiêu hoá giai đoạn muộn bằng Imatinib (Glivec) tại Bệnh viện K.	3	x	Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			Số 4 trang 346-351	12/ 2016
<i>Sau khi được công nhận Tiến sĩ Y học</i>								
<i>Các bài báo quốc tế</i>								
5	Imatinib Mesylate for Patients With Unresectable or Recurrent Gastrointestinal Stromal Tumors: 10-Year Experience From Vietnam. https://doi.org/10.1177/10732748198637	4	x	Cancer Control ISSN: 1073-2748	Scopus Q2 Citescore: 3.2	04	Volume 26, Issue 1, page 1-7	07/ 2019

6	<p>Combined Large-Cell Neuroendocrine and Squamous Cell Carcinoma of the Uterine Cervix with a Personal History of the Primary Breast Duct Carcinoma in situ: A Clinicopathological Characteristic and Outcome.</p> <p>https://doi.org/10.1159/000526337</p>	5		<p>Case Reports in Oncology</p> <p>e-ISSN: 1662-6575</p>	<p>Scopus, Q3, Citescore: 1.3</p>		<p>Vol 15, pages 770-775</p>	<p>08/2022</p>
7	<p>Treatment Outcome and Safety of the TCX Regimen for Advanced Gastric Cancer: A Prospective Cohort Study.</p> <p>https://doi.org/10.2147/CMAR.S384325</p>	4		<p>Cancer Management and Research,</p> <p>ISSN: 1179-1322</p>	<p>Scopus, Q2, Citescore: 5.4 IF: 3.602</p>		<p>Volume 2022:14 pages 2825-2837</p>	<p>09/2022</p>
8	<p>Fibromatosis-Like Metaplastic Carcinoma: A Triple-Negative Breast Cancer with Clinically Indolent Behavior.</p> <p>https://doi.org/10.1159/000526535</p>	6		<p>Case Reports in Oncology</p> <p>e-ISSN: 1662-6575</p>	<p>Scopus, Q3, Citescore: 1.3</p>		<p>Volume 15, pages 816-826</p>	<p>09/2022</p>
9	<p>Clinical and Paraclinical Features, Outcome, and Prognosis of Ovarian Granulosa Cell Tumor: A Retrospective Study of 28 Vietnamese Women.</p> <p>https://doi.org/10.1177/20363613221148547</p>	5		<p>Rare Tumors</p> <p>ISSN: 2036-3613</p>	<p>Scopus, Q3, Citescore: 1.2</p>		<p>Volume 14, pages 1-12</p>	<p>12/2022</p>

10	<p>Prolonged response to first-generation tyrosine kinase inhibitor in a metastatic non-small cell lung cancer harbouring complex G719X and S768I mutations: A case report from Vietnam and literature review.</p> <p>https://doi.org/10.1002/rcr2.1131</p>	5	x	<p>Respirology Case Reports ISSN: 2051-3380</p>	<p>Scopus, Q3, Citescore: 1.2</p>	<p>Volume 11, Issue 5, pages 1-6</p>	03/ 2023
11	<p>PD-L1-negative non-small cell lung cancer harbouring a rare BRAF mutation with successful treatment of first-line pembrolizumab plus chemotherapy: A case report and review the literature.</p> <p>https://doi.org/10.1002/rcr2.1155</p>	5	x	<p>Respirology Case Reports ISSN: 2051-3380</p>	<p>Scopus, Q3, Citescore: 1.2</p>	<p>Volume 11, Issue 6, pages 1-5</p>	05/ 2023
12	<p>Pathological complete response and survival of HER2-positive invasive breast cancer following docetaxel, carboplatin, and trastuzumab neoadjuvant therapy: a Vietnamese experience.</p> <p><i>DOI:</i> 10.5603/OCP.2023.0020</p>	5		<p>Oncology in Clinical Practice ISSN: 2450-1654</p>	<p>Scopus, Q4 Citescore: 0.6</p>	<p>Pages 1-9</p>	05/ 2023
13	<p>Rare T263P epidermal growth factor receptor extracellular domain mutation of advanced non-small cell lung cancer in a Vietnamese male patient.</p> <p><i>DOI:</i> 10.1002/rcr2.1170</p>	6	x	<p>Respirology Case Reports ISSN: 2051-3380</p>	<p>Scopus, Q3, Citescore: 1.2</p>	<p>Volume 11, pages 1-4</p>	06/ 2023

14	Neoadjuvant Doxorubicin-Paclitaxel Combined Chemotherapy in Patients with Inoperable Stage III Breast Cancer: A Retrospective Cohort Study with 10 Years of Follow-Up in Vietnam. https://doi.org/10.1007/s40487-023-00233-8	6		Oncology and Therapy ISSN: 2366-1070	Scopus, Q2, Citescore 1.7			06/ 2023
15	Clinical features and outcome of retinoblastoma at the Vietnam National Cancer Hospital. https://doi.org/10.1002/pbc.30526	10	x	Pediatric Blood & Cancer ISSN: 1545-5017	Scopus, Q1, Citescore 4.8 IF: 3.838		Pages 1-9	06/ 2023
Các bài báo trong nước								
16	Đánh giá kết quả điều trị u mô đệm đường tiêu hoá giai đoạn di căn bằng Imatinib (Glivec) tại Bệnh viện K.	3	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 471 trang 62-72	10/ 2018
17	Đánh giá kết quả bước đầu phác đồ Methotrexate liều cao kết hợp Rituximab trong điều trị u lympho nguyên phát thần kinh trung ương tại Bệnh viện K.	3	x	Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			Số 1, trang 209-220	2019
18	Đánh giá kết quả điều trị hỗ trợ u mô đệm đường tiêu hóa bằng Imatinib tại Bệnh viện K.	4	x	Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			Số 1, trang 356-364	2019
19	Đánh giá kết quả điều trị và chất lượng cuộc sống của bệnh nhân ung thư vú tái phát di căn được điều trị đơn trị liệu bằng phác đồ Vinorelbine đường uống.	3		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			Số 1, trang 417-426	2019

20	Đánh giá kết quả bước đầu điều trị Pembrolizumab đơn chất trong ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn tại Bệnh viện K.	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 493, số 2, trang 140-143	08/2020
21	Preliminary Results Of Treatment Extranodal NK/T-Cell Lymphoma, Nasal Type Stage I-II at K Hospital.	4		Tạp chí y học lâm sàng Bệnh viện Trung ương Huế ISSN: 1859-3895			Số 64, trang 47-51	09/2020
22	Kết quả điều trị phác đồ gemcitabin/cisplatin trên bệnh nhân ung thư vòm giai đoạn muộn tại Bệnh viện K.	3	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số chuyên đề Ung thư, trang 171-178	12/2020
23	Kết quả sống thêm và độc tính của erlotinib bước một trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ có đột biến EGFR thường gặp tại Bệnh viện K.	3	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số chuyên đề Ung thư, trang 212-220	12/2020
24	Hiệu quả của Durvalumab trong điều trị bước 1 ung thư phổi tế bào nhỏ giai đoạn lan tràn: Kết quả từ thử nghiệm pha III, ngẫu nhiên có đối chứng, nhãn mở CASIPAN.	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số chuyên đề Ung thư, trang 313-321	12/2020
25	Điều trị tăng liều Imatinib trên bệnh nhân u mô đệm đường tiêu hoá giai đoạn muộn tiến triển sau điều trị bước 1 liệu chuẩn.	4	x	Tạp chí y học lâm sàng Bệnh viện Trung ương Huế ISSN: 1859-3895			Số 66, trang 39-43	12/2020

26	Tác dụng không mong muốn của hoá chất gemcitabin/ cisplatin trên bệnh nhân ung thư vòm giai đoạn muộn tại Bệnh viện K.	3	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số chuyên đề Ung thư, trang 178-183	12/ 2020
27	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị erlotinib bước một trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ có đột biến EGFR thường gặp tại Bệnh viện K.	3	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số chuyên đề Ung thư, trang 220-228	12/ 2020
28	Báo cáo case lâm sàng điều trị miễn dịch ung thư biểu mô vảy vùng đầu cổ giai đoạn di căn.	2	x	Tạp chí y học lâm sàng Bệnh viện Trung ương Huế ISSN: 1859-3895			Số 67, trang 71-76	02/ 2021
29	Tác dụng không mong muốn của hoá chất phác đồ CAP trên bệnh nhân ung thư tuyến nước bọt giai đoạn muộn.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 515, số 2, trang 122-126	06/ 2022
30	Kết quả sống thêm và một số tác dụng không mong muốn của hóa chất Topotecan trong điều trị bước hai ung thư phổi tế bào nhỏ giai đoạn muộn tại Bệnh viện K.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 515, số 2, trang 46-50	06/ 2022
31	Tác dụng không mong muốn trên da trong điều trị thuốc ức chế tyrosine kinase bệnh nhân ung thư phổi có đột biến EGFR	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 515, số 2, trang 292-297	06/ 2022

32	Kết quả sống thêm và yếu tố tiên lượng trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn kháng thuốc EGFR tyrosine kinase thế hệ 1, 2 điều trị phác đồ paclitaxel - carboplatin.	2	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập 160 số 12V2, trang 266-274	2022
33	Phân tích tác dụng không mong muốn hoá chất hỗ trợ vinorelbine / cisplatin trong điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ.	1	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 516, số 2, trang 86-90	07/2022
34	Kết quả sống thêm bệnh nhân ung thư tuyến nước bọt giai đoạn muộn điều trị hóa chất phác đồ CAP tại Bệnh viện K.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 516, số 2, trang 208-212	07/2022
35	Đặc điểm triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng bệnh nhân ung thư phổi biểu mô vảy giai đoạn muộn tại Bệnh viện K.	1	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 517, số 2, trang 161-166	08/2022
36	Kết quả sống thêm và phân tích một số yếu tố tiên lượng trên bệnh nhân ung thư vòm giai đoạn muộn điều trị phác đồ gemcitabin / cisplatin bước một tại Bệnh viện K.	2	x	Tạp chí y học lâm sàng Bệnh viện Trung ương Huế ISSN: 1859-3895			Số 82, trang 136-142	08/2022
37	Kết quả đáp ứng và phân tích một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân ung thư phổi biểu mô vảy giai đoạn muộn điều trị bước một phác đồ paclitaxel / carboplatin tại Bệnh viện K.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 517, số 2, trang 50-54	08/2022

38	Kết quả điều trị ung thư phổi thần kinh nội tiết tế bào lớn giai đoạn tái phát di căn bằng phác đồ etoposide / cisplatin tại Bệnh viện K.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 518, số 2, trang 1-4	09/2022
39	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh nhân di căn carcinoma hạch cổ tại Bệnh viện K.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 518, số 2, trang 341-345	09/2022
40	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả bước đầu điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn có đột biến gen T790M thứ phát bằng thuốc ức chế tyrosine kinase thế hệ 3 – osimertinib.	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 519, số 1, trang 138-143	10/2022
41	Kết quả điều trị sarcoma xương giai đoạn II bằng hoá chất phác đồ MAP hỗ trợ trước phẫu thuật tại Bệnh viện K.	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 519, số 2, trang 4-8	10/2022
42	Phân tích các yếu tố tiên lượng trên bệnh nhân ung thư phổi thần kinh nội tiết tế bào lớn giai đoạn tái phát, di căn điều trị bước một phác đồ cisplatin - etoposide.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 519, số 2, trang 92-96	10/2022
43	Một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả sống thêm điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn IV có đột biến gen ALK bằng ceritinib.	2	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập 160, số 12V1, trang 159-169	12/2022

44	Kết quả sống thêm và yếu tố tiên lượng trên bệnh nhân ung thư phổi biểu mô vảy giai đoạn muộn điều trị bước một paclitaxel - carboplatin.	2	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập 160 số 12V2, trang 128-135	12/2022
45	Đánh giá kết quả sống thêm và phân tích một số yếu tố ảnh hưởng trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn III được điều trị hóa xạ đồng thời phác đồ etoposide / cisplatin và kỹ thuật xạ trị điều biến liều.	2	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập 160 số 12V2, trang 120-127	12/2022
46	Đánh giá kết quả điều trị hoá chất hỗ trợ pemetrexed – carboplatin trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ không vảy giai đoạn IB-III A.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 521, số 2, trang 88-93	12/2022
47	Đánh giá chăm sóc điều dưỡng về tác dụng không mong muốn viêm niêm mạc miệng trên bệnh nhân ung thư đầu cổ điều trị hoá xạ tại Bệnh viện K.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 521, số 2, trang 225-230	12/2022
48	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn kháng điều trị đích EGFR thế hệ 1, 2.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 522, số 1, Trang 202-207	01/2023
49	Kết quả bước đầu phác đồ paclitaxel - carboplatin trong điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn kháng thuốc EGFR tyrosine kinase thế hệ 1, 2.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 522, số 1, Trang 63-68	01/2023

50	Nhận xét kết quả điều trị hóa chất dẫn đầu phác đồ GEMICTABINE - CISLPALTIN ung thư vòm mũi họng giai đoạn III-IVA.	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 523, Số 1, Trang 221-225	02/ 2023
51	Đánh giá kết quả điều trị Pembrolizumab bước sau trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 523, Số 2, Trang 51-55	02/ 2023
52	Nghiên cứu tình trạng đột biến T790M trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn kháng điều trị đích EGFR thế hệ 1, 2.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 523, Số 2, Trang 135-138	02/ 2023
53	Phân tích yếu tố tiên lượng trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn IB - IIIA hóa chất hỗ trợ vinorelbine / cisplatin.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 523, Số 2, Trang 288-292	02/ 2023
54	Tác dụng không mong muốn của phác đồ paclitaxel - carboplatin trong điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn tiến triển sau điều trị thuốc EGFR tyrosine kinase.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 524, số 1A, trang 94-98	03/ 2023
55	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng kết quả điều trị trên bệnh nhân ung thư tuyến nước bọt giai đoạn muộn được điều trị hóa chất phác đồ CAP	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 524, số 1A, trang 220-224	03/ 2023

56	Đánh giá kết quả sống thêm trên bệnh nhân ung thư họng miệng có tình trạng p16 dương tính tại Bệnh viện K.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 524, số 2, trang 23-27	03/2023
57	Đánh giá kết quả sống thêm và tác dụng không mong muốn của phác đồ bước hai irinotecan trên bệnh nhân ung thư phổi tế bào nhỏ giai đoạn lan tràn.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 525, số 1A, trang 205-208	04/2023
58	Đánh giá kết quả điều trị ung thư biểu mô vảy vùng đầu cổ giai đoạn muộn bằng phác đồ bộ đôi platinum.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 525, số 1A, trang 69-72	04/2023
59	Đánh giá kết quả điều trị ung thư phổi tế bào nhỏ giai đoạn lan tràn bằng phác đồ irinotecan đơn trị bước hai.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 525, số 2, trang 1-4	04/2023
60	Đánh giá kết quả bước đầu hóa chất trước phác đồ TCF trong điều trị ung thư biểu mô vảy vùng đầu cổ giai đoạn tại chỗ, tại vùng.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 526, số 1A, trang 72-75	05/2023
61	Phân tích sống thêm và độc tính phác đồ hóa chất cảm ứng theo sau hóa xạ đồng thời trên bệnh nhân ung thư biểu mô vảy đầu cổ giai đoạn III/IV (M0).	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 526, số 1A, trang 159-163	05/2023
62	Kết quả điều trị trong ung thư biểu mô vảy vùng đầu cổ giai đoạn tại chỗ, tại vùng bằng hóa chất cảm ứng theo sau hóa xạ đồng thời.	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 526, số 2, trang 10-13	05/2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS là 5: **Số thứ tự: 5, 10, 11, 13, 15.**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH-CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
3						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đỗ Hùng Kiên